

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELEVATOR INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ELEVATOR INTERNATIONAL., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107068723

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, nhà B15, ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 3834 5476 / 0904 382 426 Fax:

Email: Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng | 2790        |
| 2.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>Chi tiết: Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải sử dụng dưới đất                                                                                                                 | 2824(Chính) |
| 3.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                   | 2012        |
| 4.  | Chăn nuôi trâu, bò                                                                                                                                                                                                                    | 0141        |
| 5.  | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                                                                                                         | 0145        |
| 6.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                     | 0146        |
| 7.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                         | 1080        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón;                                                                                                                                                     | 4669        |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4722        |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp<br>- Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.                                                              | 6202 |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620 |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659 |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4791 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4931 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                         | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG VIỆT HÙNG       | Số 8, nhà B15, tập thể Ngân hàng Hồ Ngọc Khánh, ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tổng số           | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30        | B4820646                                                                                    |         |
|     |                       |                                                                                                                                             | Cổ phần phổ thông | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30        |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | Số 48, ngõ 97, phố Phạm Ngọc Thạch, tổ 38, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                        | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 5         | B2286989                                                                                    |         |
|     |                       |                                                                                                                                             | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 5         |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THANH XUÂN     | Đội 11, Xã Hợp Lý, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                                                                | Cổ phần phổ thông | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25        | 172934063                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                                                             | Tổng số           | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25        |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN TRUNG THÀNH    | Thôn Giã Bàng, Xã Tề Lễ, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                                                                            | Cổ phần phổ thông | 2.000.000  | 20.000.000.000        | 20        | 015083000063                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                                                             | Tổng số           | 2.000.000  | 20.000.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN VĂN QUYẾT      | Phòng 302, tập thể Thủy Lợi 1, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                  | Cổ phần phổ thông | 2.000.000  | 20.000.000.000        | 20        | 017510484                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                                                             | Tổng số           | 2.000.000  | 20.000.000.000        | 20        |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 28/08/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B2286989

Ngày cấp: 06/06/2008

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 48, ngõ 97, phố Phạm Ngọc Thạch, tổ 38, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 8, nhà B15, tập thể Ngân hàng Hồ Ngọc Khánh, ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội